

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**  
**TỈNH BẮC GIANG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HS-ST

Ngày: 05-01-2023

**NHÂN DA**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

**- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đức Hiền

2. Bà Dương Thị Hoa

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Duy T- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Thùy- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 275/2022/TLST- HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2022/QĐXXST-HS ngày 20/12/2022 đối với các bị cáo:

1. ***Nguyễn Bá V, S năm 1976***; Tên gọi khác: Không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Nguyễn Bá Lăng (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Lộc; Gia đình có 07 A chị em, bị cáo là con thứ bảy; Vợ: Nguyễn Thị Lâm; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn S năm 1996, con nhỏ S năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/4/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 06 tháng tù nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”; Ngày 12/6/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 05 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”; Năm 2013 bị Công an huyện Việt Yên xử phạt vi phạm Hành chính về Hành vi “Xâm hại sức khỏe cho người khác”; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2022 đến ngày 28/11/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. ***Nguyễn Hữu S, S năm 1991***; Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Mai Hạ, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Hữu Hiệu; Con bà: N Thị Tình; Gia đình có 02 A em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Đỗ Thị Hằng; Con: Bị can có 03 con, con lớn nhất S năm 2013, con nhỏ S năm 2017; Tiền án, tiền sự, nhân thân:

Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**3. Lê A Q, S năm 1985;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lê Hồng Thái (Đã chết); Con bà: Ngô Thị Hằng; Gia đình có 02 A em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Trần Thị N; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất S năm 2012, con nhỏ nhất S năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 01/4/2011, bị TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**4. Giáp Văn D, S năm 1980;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Mai Hạ, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Giáp Văn Việt; Con bà: Lê Thị Định; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Nguyễn Thị Ứng; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất S năm 2001, con nhỏ S năm 2004; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**5. Ngô Văn C, S năm 1985;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Ngô Văn Tới; Con bà: Nguyễn Thị Liên; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Ngô Thị Mai; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất S năm 2014, con nhỏ S năm 2020; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt)

**6. Trần Văn N, S năm 1991;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Trần Văn Lệ; Con bà: Ngô Thị Bé; Gia đình có bị cáo là con duy nhất; Vợ: Nguyễn M Hằng; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn S năm 2015, con nhỏ S năm 2020; Tiền án: Ngày 23/4/2018 bị TAND tHnh phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách 4 năm tính từ ngày T án sơ thẩm về tội “Đánh bạc”; Tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**7. Đỗ Viết T, S năm 1984;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Đồng Mới, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông: Đỗ Viết Biên; Con bà: Nguyễn Thị Yên; Gia đình có

04 A em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Hường; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất S năm 2007, con nhỏ nhất S năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/11/2013, bị TAND huyện Việt Yên xử phạt 05 tháng tù, cho H án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**8. Ngô Đức T, S năm 1989;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Ngô Đức T; Con bà: Nguyễn Thị Lý; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Chu Thị Huế (Đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất S năm 2012, con nhỏ nhất S năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho H án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**9. Vũ Đức N, S năm 1984;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Vũ Đức Tình; Con bà: Nguyễn Thị Tiến; Gia đình có 07 chị em, bị cáo là con thứ bảy; Vợ: Nguyễn Thị L; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất S năm 2015, con nhỏ nhất S năm 2017; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**10. Vũ Văn H, S năm 1977;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Đồng Quan, xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông: Vũ Đình Chiến (Đã chết); Con bà: Tống Thị Dĩnh; Gia đình có 05 A em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lê Thị M; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn S năm 2003, con nhỏ S năm 2007; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**11. Phạm Văn K, S năm 1985;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Phạm Văn Tuấn; Con bà: Ngô Thị Thắng; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ bốn; Vợ: Nguyễn Thị Thương; Con: Bị cáo có 03 con, con lớn nhất S năm 2009, con nhỏ nhất S năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 05 tháng tù, cho H án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”; Bị cáo

không bị tạm giữ, tạm giam, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**12. Phạm Quang X, S năm 1982;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Phạm Quang Thường; Con bà: Bùi Thị Hiền; Gia đình có 03 A em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Quỳnh; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất S năm 2004, con nhỏ S năm 2008; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**13. Đào DA T, S năm 1976;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Đồng Mới, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 2/12; Con ông: Đào DA Tỷ (Đã chết); Con bà: Thân Thị Chúc; Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Đỗ Thị Linh; Con: Bị cáo có 01 con S năm 2003; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 24/8/2022, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/9/2022, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**14. Lê Văn V, S năm 1977;** Tên gọi khác: không; Giới tính: N; Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt N; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Lê Văn Vinh; Con bà: Nguyễn Thị Đông; Gia đình có 03 A em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Hương; Con: Bị cáo có 02 con, con lớn nhất S năm 1998, con nhỏ nhất S năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 24/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xử phạt 05 tháng tù, cho H án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

**\* Người làm chứng:**

- A Vũ Đức M, S năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- A Nguyễn Xuân D, S năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- A Vũ Văn H, S năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đồng Quan, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- A Nguyễn Bá N, S năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- A Phạm N A, S năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

\* **Người chứng kiến:** Bà Phạm Thị L, S năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Hồi 22 giờ 35 phút ngày 23/8/2022, tại phòng khách nH ở của gia đình bị cáo Nguyễn Bá V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên bắt quả tang một số đối tượng có Hnh vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài “Liêng” thắng Ta bằng tiền, bắt giữ được V cùng Vũ Đức N, S năm 1984, Vũ Đức M, S năm 1972, Nguyễn Bá N, S năm 1996, Nguyễn Xuân D, S năm 1971 đều ở cùng thôn với V, Lê A Q, S năm 1985, Ngô Đức T, S năm 1989, Trần Văn N, S năm 1991, Ngô Văn C, S năm 1985 đều trú tại thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Đỗ Viết T, S năm 1984, Đào DA T, S năm 1976 đều trú tại thôn Đông Mỗi, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Hữu S, S năm 1991, Giáp Văn D, S năm 1980 đều trú tại thôn Mai Hạ, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Vũ Văn H, S năm 1977, trú tại thôn Đồng Quan, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Ngoài ra một số đối tượng khác tham gia đánh bạc đã bỏ chạy thoát gồm: Vũ Văn H, S năm 1977, trú tại thôn Đồng Quan, xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang; Phạm Quang X, S năm 1982; Lê Văn V, S năm 1977 đều trú tại thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và Phạm Văn K, S năm 1985, trú tại thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Tang vật cùng tài sản T giữ gồm: T tại chiếu bạc: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 Q; 02 chiếc chiếu cói màu vàng- đỏ, kích thước (1,8 x 2)m; số tiền: 16.500.000 đồng. T giữ tại nền nH cạnh chiếu đánh bạc số tiền 10.000.000 đồng. T trên người các đối tượng: 13 chiếc điện thoại di động các loại và 11.300.000 đồng, gồm: Nguyễn Hữu S: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max dung lượng 64GB, số Imei 357279097575301; Trần Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64GB, số Imei 353901103804122; Nguyễn Xuân D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số imei 860364051139409/78; Đào DA T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 356819634700499; seri 2: 356819636700497; Vũ Đức N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, số imei: 3510880464075373; Nguyễn Bá V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số imei 860202042225475; Ngô Đức T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, dung lượng 128GB, số lmei 355018172301528; Đỗ Viết T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A52 số imei 860777053894475; Ngô Văn C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 plus, số imei 359243063067519; Giáp Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số imei 868038050074831; Nguyễn Bá N: 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Iphone 11 Promax, 64GB số Imei 353901104541406 và số tiền 100.000đồng; Lê A Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung note 20, số imei 350247875752118/01 và số tiền 3.000.000đồng; Vũ Đức M: Số tiền 1.200.000đồng; Vũ Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A7 màu đen, số imei 353465103235899 và số tiền 7.000.000đồng. T tại sân 07 xe mô tô và 01 xe máy điện gồm: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream biển số 98H3- 1768 của Vũ Văn H; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen, biển kiểm soát 98K1- 313.19 của Ngô Đức T; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển kiểm soát 98N7- 0065 của Lê A Q; xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i, biển kiểm soát 98K1- 281.43 của Đỗ Viết T; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xA, biển kiểm soát 99S1- 6541 của Đào DA T; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển kiểm soát 98M4- 2070 của Vũ Đức N; xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển kiểm soát 98K1- 24983 của Nguyễn Hữu S; xe máy điện nhãn hiệu Kazuki, màu đen, không gắn biển kiểm soát của Trần Văn N.

Hồi 00 giờ 30 phút cùng ngày 24/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Bá V, kết quả T tại kệ đồ tại phòng khách 01 đầu T Camera nhãn hiệu @Ihua SN4A01902PAPEC536.

Ngày 21/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang triệu tập Vũ Văn H, Phạm Quang X, Lê Văn V, Phạm Văn K đến trụ sở để làm việc, sau đó các đối tượng đều khai nhận tham gia đánh bạc tại nh ở của Nguyễn Bá V ngày 23/8/2022.

Ngày 18/11/2022, Vũ Văn H giao nộp 1.400.000 đồng, Phạm Quang X giao nộp 200.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên.

*Quá trình điều tra, các bị cáo và người liên quan khai:*

Khoảng hơn 21 giờ ngày 23/8/2022, bị cáo Nguyễn Bá V đang ở nh tại thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thì lần lượt có Trần Văn N, Vũ Đức N, Ngô Đức T, Đỗ Viết T, Đào DA T, Vũ Văn H, Ngô Văn C đến nh của Nguyễn Bá V chơi. Sau đó, N, N, T, T, T, H và C cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh bài “liêng” thắng Ta bằng tiền và bảo V cho đánh bạc thì V đồng ý. V lấy 02 chiếc chiếu cói màu vàng- đỏ trải ra nền nh phòng khách tầng 1 và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 Q bài để xuống chiếu cho các đối tượng đánh bạc. Lúc này, N, N, T, T, T, H và C cùng ngồi xuống chiếu để đánh bạc còn V ngồi xem. Khoảng 10 phút sau lần lượt có Phạm Quang X, Nguyễn Hữu S, Phạm Văn K, Giáp Văn D và Lê A Q đến tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Nguyễn Bá N, Lê Văn V, Vũ Văn H, Vũ Đức M, Nguyễn Xuân D, S năm 1971 và Phạm N A, S năm 1989, trú tại thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến nh V, đồng thời N Ta hết tiền nên không đánh bạc nữa. Lúc này, V ngồi xuống tham gia đánh bạc thay chỗ của N còn N cùng M, Xuân D, N A, N và H ngồi xem đánh bạc. N, T, T, T, H, C, X, S, K, D, Q, V tiếp tục đánh bài liêng ăn tiền với nhau

đến khoảng 22 giờ 35 phút cùng ngày thì Công an huyện Việt Yên phát hiện bắt quả tang T giữ trên chiếu bạc 16.500.000 đồng và cạnh chiếu đánh bạc là 10.000.000 đồng cùng toàn bộ vật chứng có liên quan. Quá trình bắt quả tang, Vũ Văn H, Phạm Quang X, Lê Văn V, và Phạm Văn K lợi dụng sở hở đã bỏ chạy thoát. Khi mọi người đánh bạc, Nguyễn Bá V ngồi xem và T tiền hồ của 09 người đánh bạc trừ Q, T, D, V được tổng 1.800.000 đồng (mức 200.000 đồng/một người). Toàn bộ số tiền T của người đánh bạc, V đã vớt ở chiếu bạc khi Công an vào bắt.

Trước khi đánh bạc, các bị cáo thống nhất về mức tiền, cách thức đánh bạc bằng hình thức đánh bài “liêng” như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 Q bài. Trước mỗi ván chơi, theo lần lượt từng người chơi phải bỏ ra 500.000 đồng vào giữa chiếu bạc, gọi là tiền “gà”. Sau đó một người sẽ chia cho mỗi người chơi 03 Q bài. Khi chia xong, mỗi người tự cầm xem bài của mình, nếu thấy bài đẹp, có thể thắng thì đặt tiền gọi là “tố”, nếu thấy bài xấu thì có thể úp bài xin Ta. Mỗi lần “tố”, người “tố” phải bỏ ra ít nhất là 100.000 đồng và cao nhất là 500.000 đồng. Người chia bài có quyền “tố” đầu tiên, sau đó lần lượt “tố” theo chiều chia bài. Trong ván chơi, nếu có một người “tố” mà không ai “tố” theo thì người đó thắng và được toàn bộ tiền “gà”, nếu có nhiều người “tố” thì khi hết quyền “tố”, những người “tố” ngửa bài, ai có bài cao nhất sẽ thắng và được số tiền “gà” cùng với số tiền mọi người “tố”. Ngoài ra, các bị cáo còn quy định với nhau ai có bài sấp thì mỗi người chơi phải đưa thêm 300.000 đồng cho người có bài sấp, nếu ai có bài “liêng đồng hoa” thì mỗi người chơi còn lại phải đưa thêm 200.000 đồng cho người có bài liêng đồng hoa. Cách tính điểm cao, thấp như sau: Bài “sấp” là bài cao nhất, bài sấp là bài có 03 Q giống nhau, sấp Át, Át, Át là sấp cao nhất, sau đó đến sấp K, K, K..., sấp 2, 2, 2 là sấp nhỏ nhất; dưới bài sấp là bài “liêng” là bài có 03 Q liên tiếp nhau, liêng Q, K, Át là liêng cao nhất, liêng Át, 2, 3 là liêng nhỏ nhất; dưới bài liêng là bài “đĩ” là bài có 03 Q đầu người, trong đó có 02 Q giống nhau (ví dụ: K, K, Q; J, J, K...); dưới bài đĩ là bài tính điểm, khi tính điểm thì các Q bài 10, J, Q, K được tính là 0 điểm, Át được tính là 1 điểm. Khi tính điểm thì cộng điểm 03 Q bài với nhau, cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Nếu cộng điểm 03 Q bài được từ 10 điểm trở lên thì tính điểm là số Hng đơn vị. Nếu 03 Q bài giữa những người chơi với nhau mà bằng điểm thì so sánh Q bài có chất cao nhất theo thứ tự rô, cơ, bích, tép.

Số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Văn N có 3.000.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 2.800.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc. Khi Công an vào bắt, N không biết thắng hay Ta, toàn bộ tiền đánh bạc vớt ở bàn bạc rồi bị Công an T giữ.

Bị cáo Vũ Đức N có 2.300.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 2.100.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc. Khi Công an vào bắt, N đã bị Ta hết tiền và ngồi xem đánh bạc.

Bị cáo Ngô Đức T có 2.500.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 2.300.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang, T đang bị Ta tiền, số tiền còn lại vẫn để ở bàn bạc rồi bị Công an T giữ.

Bị cáo Đỗ Viết T có 3.000.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 2.800.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang, T đang bị Ta tiền, số tiền còn lại vẫn để ở bàn bạc rồi bị Công an T giữ.

Bị cáo Ngô Văn C có 3.700.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 3.500.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang, C bị Ta 1.700.000 đồng, số tiền còn lại vẫn để ở bàn bạc rồi bị Công an T giữ.

Bị cáo Nguyễn Hữu S có 10.000.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 9.800.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc. Khi Công an bắt quả tang, S không biết thắng hay Ta, toàn bộ tiền đánh bạc vớt ở bàn bạc rồi bị Công an T giữ.

Bị cáo Giáp Văn D có 3.700.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc, không phải nộp bất cứ khoản tiền gì cho V. Khi Công an bắt quả tang, D không biết thắng hay Ta, toàn bộ tiền đánh bạc vớt ở bàn bạc rồi bị Công an T giữ.

Bị cáo Đào DA T có 700.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc, không phải nộp bất cứ khoản tiền gì cho V. Khi Công an bắt quả tang, T đang thắng bạc, nhưng không biết thắng bao nhiêu, toàn bộ tiền đánh bạc vớt ở bàn bạc rồi bị Công an T giữ.

Bị cáo Lê A Q có 4.000.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc, không phải nộp bất cứ khoản tiền gì cho V. Khi Công an bắt quả tang, Q bị Ta bạc, còn lại 3.000.000 đồng đã bị Công an T giữ.

Bị cáo Vũ Văn H có 2.200.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 2.000.000 đồng cầm ở tay để đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, H bị Ta bạc còn lại 1.400.000 đồng rồi cầm tiền bỏ chạy thoát. Ngày 21/9/2022, Công an huyện Việt Yên triệu tập H đến làm việc về Hnh vi đánh bạc thì H giao nộp 1.400.000 đồng.

Bị cáo Phạm Quang X có 900.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 700.000 đồng cầm ở tay để đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, X bị Ta bạc, còn lại 200.000 đồng rồi cầm tiền bỏ chạy thoát. Ngày 21/9/2022, Công an huyện Việt Yên triệu tập X đến trụ sở Công an làm việc về Hnh vi đánh bạc X giao nộp 200.000 đồng.

Bị cáo Phạm Văn K có 2.000.000 đồng, nộp 200.000 đồng tiền hồ cho V, còn lại 1.800.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc. Khi Công an vào bắt quả tang, K không biết thắng hay Ta, toàn bộ tiền đánh bạc vớt ở bàn bạc rồi bỏ chạy thoát. Ngày 21/9/2022, Công an huyện Việt Yên triệu tập K đến trụ sở Công an làm việc về Hnh vi đánh bạc K đã khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội.

Bị cáo Lê Văn V có 1.000.000 đồng để trên chiếu sử dụng đánh bạc, không phải nộp bất cứ khoản tiền nào cho V. Khi Công an vào bắt quả tang, V



đang hòa tiền, toàn bộ tiền đánh bạc vớt ở bàn bạc rồi bỏ chạy thoát. Ngày 21/9/2022, Công an huyện Việt Yên triệu tập V đến trụ sở Công an làm việc về Hình vi đánh bạc V đã khai nhận toàn bộ Hình vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 262/CT-VKS ngày 30/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Bá V về tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu S, Lê A Q, Giáp Văn D, Ngô Văn C, Trần Văn N, Đỗ Viết T, Ngô Đức T, Vũ Đức N, Vũ Văn H, Phạm Văn K, Phạm Quang X, Đào DA T, Lê Văn V về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

\* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Bá V, Nguyễn Hữu S, Lê A Q, Giáp Văn D, Ngô Văn C, Trần Văn N, Đỗ Viết T, Ngô Đức T, Vũ Đức N, Vũ Văn H, Phạm Văn K, Phạm Quang X, Đào DA T, Lê Văn V về tội dA và điều khoản như trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá V từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù về tội “Gá bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án. Nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2022 đến ngày 28/11/2022.

Phạt bổ sung bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S từ 13 tháng tù đến 15 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 26 tháng đến 30 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê A Q từ 13 tháng tù đến 15 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án. Nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

4. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Giáp Văn D từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

5. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn C từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng tính

từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

6. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

7. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Viết T từ 10 tháng tù đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

8. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T từ 09 tháng tù đến 11 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

9. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Vũ Đức N từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

10. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

11. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 09 tháng tù đến 11 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 22 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

12. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Phạm Quang X từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

13. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Đào DA T từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

14. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn V từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hnh án.

Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

Về vật chứng, án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

\* Tại phiên toà hôm nay các bị cáo Nguyễn Bá V, Nguyễn Hữu S, Lê A Q, Giáp Văn D, Ngô Văn C, Trần Văn N, Đỗ Viết T, Ngô Đức T, Vũ Đức N, Vũ Văn H, Phạm Văn K, Phạm Quang X, Đào DA T, Lê Văn V đã khai nhận rõ Hnh vi của mình như cáo trạng đã nêu là đúng và nhận thức được việc làm của mình là sai, ăn năn hối cải. Các bị cáo không có ý kiến gì trA luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa một số người làm chứng, người chứng kiến đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai nên sự vắng mặt của họ không ảnh H đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại Điều 293; Điều 305 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về tội dA: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm

tội quả tang, vật chứng T giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Tối ngày 23/8/2022, tại phòng khách nh ở của bị cáo Nguyễn Bá V tại thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, V đồng ý cho các bị cáo Trần Văn N, Vũ Đức N, Ngô Đức T, Đỗ Viết T, Đào DA T, Vũ Văn H, Ngô Văn C, Phạm Quang X, Nguyễn Hữu S, Phạm Văn K, Giáp Văn D, Lê A Q, Lê Văn V đánh bạc bằng hình thức đánh bài “Liêng” thắng Ta bằng tiền. Các bị cáo tham gia đánh bạc trong thời gian từ khoảng 21 giờ đến 22 giờ 30 phút ngày 23/8/2022 thì bị Công an huyện Việt Yên phát hiện bắt quả tang, T giữ toàn bộ vật chứng có liên quan. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc chứng M được là 31.100.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Bá V không tham gia đánh bạc nhưng giúp sức tạo điều kiện về địa điểm, cho các bị cáo khác đánh bạc tại nh ở của mình và đã T được của các con bạc tổng 1.800.000 đồng tiền hồ.

Như vậy, Hnh vi của bị cáo Nguyễn Bá V đã đủ yếu tố cấu tHnh tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Hữu S, Lê A Q, Giáp Văn D, Ngô Văn C, Trần Văn N, Đỗ Viết T, Ngô Đức T, Vũ Đức N, Vũ Văn H, Phạm Văn K, Phạm Quang X, Đào DA T, Lê Văn V đã đủ yếu tố cấu tHnh tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố các bị cáo theo tội dA và điều khoản trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của Hnh vi phạm tội: Hnh vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân, từ tệ nạn cờ bạc có thể làm nảy S nhiều loại tội phạm khác, đây cũng chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tan vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình. Vì vậy, vụ án cần phải được xử lý nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ Hnh vi phạm tội của các bị cáo để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo lần lượt cùng đến nh bị cáo V và cùng rủ nhau đánh bạc.

Bị cáo V là chủ nh sử dụng địa điểm của mình để cho các bị cáo khác và bị cáo T tiền hồ của các bị cáo khác, số tiền T được của các bị cáo đánh bạc là 1.800.000 đồng nên bị cáo chịu độc lập về tội “ Gá bạc”.

Đối với các bị cáo trong vụ án đánh bạc thì vai trò như sau:

Bị cáo S là người có số tiền đánh bạc nhiều nhất trong vụ án là 10.000.000 đồng, bị cáo Q có số tiền lớn thứ hai trong vụ án là 4.000.000 đồng nhưng bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị xét xử về tội đánh bạc, bị cáo S là người đến đánh bạc sau nên 02 bị cáo có vai trò ngang nhau và cao nhất trong vụ án.

Tiếp đến là vai trò của bị cáo D, C, N, T, bị cáo D, C có số tiền đánh bạc cao hơn bị cáo N, T nhưng bị cáo N có tiền án về tội đánh bạc, bị cáo T có

nhân thân xấu về tội đánh bạc, các bị cáo đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt quả tang nên các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Tiếp đến vai trò của bị cáo T, N, H, K: Các bị cáo cùng đến nH bị cáo V để đánh bạc, cùng rủ nhau đánh bạc, số tiền bị cáo K đánh bạc ít hơn 3 bị cáo còn lại nhưng bị cáo có nhân thân xấu nên 04 bị cáo này có vai trò ngang nhau trong vụ án.

Tiếp đến vai trò cuối cùng là bị cáo V, X, T: Bị cáo X và V là những người đến sau khi các bị cáo khác đang đánh bạc khoảng 10 phút và tham gia đánh bạc đến khi bị bắt quả tang, bị cáo V, X có số tiền đánh bạc ngang nhau nhưng bị cáo V có nhân thân xấu, số tiền bị cáo T đánh bạc trong vụ án là ít nhất nên bị cáo T có vai trò cuối cùng trong vụ án.

[6] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy:

Các bị cáo V, Q, T, T, K, V, N đều có nhân thân xấu.

Các bị cáo S, D, C, N, H, X, T đều có nhân thân tốt, trước khi thực hiện Hnh vi phạm tội này các bị cáo đều chưa bị Tòa án nào xét xử về tội gì, cũng chưa bị Cơ quan nH nước có thẩm quyền nào xử lý vi phạm Hnh chính.

[7] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Tại cơ quan điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay các bị cáo Nguyễn Bá V, Nguyễn Hữu S, Lê A Q, Giáp Văn D, Ngô Văn C, Trần Văn N, Đỗ Viết T, Ngô Đức T, Vũ Đức N, Vũ Văn H, Phạm Văn K, Phạm Quang X, Đào DA T, Lê Văn V có thái độ khai báo tHnh khẩn, ăn năn hối cải. Các bị cáo nhận thức việc làm của mình là sai, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo S, D, C, N, H, X, T phạm tội lần đầu và Tộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được H tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo K có bố đẻ ông Phạm Văn Tuấn được tặng tH huy chương hạng nhất, mẹ đẻ bà Ngô Thị Thắng được tặng tH huy chương chiến sỹ vẻ vang; Bị cáo N có bố đẻ là ông Trần Văn Lê tham gia cách mạng có xác nhận và được tặng thiếp báo công; Bị cáo N có bố đẻ ông Vũ Đức Tình được tặng tH huân chương kháng chiến hạng 3 nên các bị cáo được H tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Q có nộp tố quốc ghi công liệt sỹ Phạm Đức Tân là bố dượng bị cáo; Bị cáo V có nộp huân chương kháng chiến hạng 3 của ông Nguyễn Hữu Dung là bố vợ bị cáo, bị cáo S trình bày bị mù một mắt từ bé nhưng không có sổ được trợ cấp người tàn tật. Đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Các bị cáo Nguyễn Bá V, Nguyễn Hữu S, Lê A Q, Giáp Văn D, Ngô Văn C, Đỗ Viết T, Ngô Đức T, Vũ Đức N, Vũ Văn H, Phạm Văn K, Phạm

Quang X, Đào DA T, Lê Văn V không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Văn N đang có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên, đánh giá về tính chất, mức độ nguy hiểm của Hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo V, Q, T, N, T, V đều là người có nhân thân xấu, bị cáo N có tiền án chưa được xóa án tích, các bị cáo đã từng bị xét xử về tội đánh bạc. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bị cáo V, Q, T, N, T, V phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo với xã hội trong một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

Bị cáo K có số tiền đánh bạc là 2.000.000 đồng, bị cáo có nhân thân xấu năm 2015 đã từng bị xử về Hành vi đánh bạc nhưng Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo thì tính đến ngày phạm tội lần này của bị cáo K đã quá 06 tháng, xét thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện Tội trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có vai trò chính trong vụ án, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cho bị cáo H án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi bổ sung 01 số điều của Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

Các bị cáo S, D, C, N, H, X, T: Các bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này không còn lần phạm tội nào khác, bị cáo phạm tội lần đầu Tội trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cho các bị cáo H án treo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[9] Xét về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 3 Điều 322, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội vì mục đích vụ lợi, các bị cáo không Tội hộ nghèo, cận nghèo nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo. Xác nhận bị cáo

S, bị cáo T mỗi bị cáo đã nộp trước 5.000.000 đồng tại Chi cục thi Hình án dân sự huyện Việt Yên.

[10] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i biển số 98K1-281.43 là tài sản bị cáo T mượn A Đỗ Viết Luận, S năm 1967, trú tại thôn Tam Hợp, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, biển số 98K1 - 249.83 là tài sản bị cáo S mượn A Nguyễn Hữu Tùng, S năm: 1987, trú tại tổ dân phố Vàng, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; xe máy điện nhãn hiệu KAZUKI màu đen là tài sản bị cáo N mượn chị Lôi Thị Sim, S năm 1998, trú tại thôn Mai Hạ, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 98N7 - 0065 là tài sản bị cáo Lê A Q mượn Hoàng Tiến Việt, S năm 1985, trú tại thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã trả lại: Tổng 8.300.000 đồng, 03 điện thoại di động, 03 xe mô tô, 01 xe máy điện đã T giữ cho A Nguyễn Xuân D, A Nguyễn Bá N, A Vũ Văn H, A Vũ Đức M, A Đỗ Viết Luận, A Nguyễn Hữu Tùng, A Hoàng Tiến Việt, chị Lôi Thị Sim. Ngày 30/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã trả lại 01 xe mô tô và 01 điện thoại di động cho Ngô Đức T. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với số tiền T tại bàn bạc là 31.100.000 đồng là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch T sung Ngân sách NH nước.

- Đối với 52 Q bài tú lơ khơ một mặt màu đỏ; 02 chiếc chiếu cói màu vàng, đồ kích thước (1,8x2) mét là đồ vật các bị cáo dùng để đánh bạc có giá trị không đáng kể nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tịch T tiêu hủy.

- Đối với 01 đầu T came ra nhãn hiệu @Jhua SN4A0902PAPEC536 là tài sản T giữ của bị cáo V, tại phiên tòa bị cáo không xin lại, Hội đồng xét xử xét thấy đầu T này không có giá trị sử dụng đáng kể cần tịch T tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu Oriental BKS 98H3-1768 là của bị cáo Vũ Văn H; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xA, BKS 99S1-6541 của bị cáo Đào DA T; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS 98M4-2070 của bị cáo Vũ Đức N là tài sản của các bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại các bị cáo nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max dung lượng 64GB, số Imei 357279097575301 của bị cáo Nguyễn Hữu S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax 64GB, số Imei 353901103804122 của bị cáo Trần Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung note 20, số Imei 350247875752118/01 của bị cáo Lê A Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 356819634700499, seri 2: 356819636700497 của bị cáo Đào DA T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, số Imei: 3510880464075373 của bị cáo Vũ Đức N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số IMei 860202042225475 của bị cáo Nguyễn Bá V; 01 điện thoại di

động nhãn hiệu OPPO AS2 số Imei 860777053894475 của bị cáo Đỗ Viết T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, số Imei 359243063067519 của bị cáo Ngô Văn C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số Imei 868038050074831 của bị cáo Giáp Văn D. Đây là các tài sản của các bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại các bị cáo nhưng tạm giữ lại các tài sản này của các bị cáo để đảm bảo thi Hình án.

[11] Về các vấn đề khác: Vợ, con V không biết V cho các bị cáo đánh bạc; các A Nguyễn Bá N, Vũ Văn H, Vũ Đức M, Nguyễn Xuân D, Phạm N A có mặt tại bàn bạc nhưng chỉ ngồi xem đánh bạc, không giúp sức cho các bị cáo đánh bạc và không giúp sức cho bị cáo V T tiền của các con bạc nên không vi phạm pháp luật.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ điểm b, c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bá V 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Gà bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án. Nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/8/2022 đến ngày 28/11/2022.

Phạt bổ sung bị cáo V 20.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.2 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu S 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo S 12.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước. Xác nhận bị cáo S đã nộp trước 5.000.000 đồng tại biên lai T số 0001830 ngày 03/11/2022 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện Việt Yên. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 7.000.000 đồng.

1.3 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê A Q 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án. Nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Q 12.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.



1.4 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Giáp Văn D 01 (một) năm tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo D 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.5 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn C 01 (một) năm tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo C 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.6 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn N 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo N 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.7 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đỗ Viết T 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước. Xác nhận bị cáo T đã nộp trước 5.000.000 đồng tại biên lai T số 0001858 ngày 26/10/2022 của Chi cục thi Hình án dân sự huyện Việt Yên. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 5.000.000 đồng.

1.8 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Đức T 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hình án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giữ từ ngày 24/8/2022 đến ngày 01/9/2022.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.9 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Vũ Đức N 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo N 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.10 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đông Lễ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo H 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.11 căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn K 08 (tám) tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo K 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.12 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Phạm Quang X 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo X 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.13 Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Đào DA T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho H án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày T án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo T 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

1.14 căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự ;

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 07 (bảy) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi Hnh án.

Phạt bổ sung bị cáo V 10.000.000 đồng để sung ngân sách NH nước.

Trường hợp các bị cáo S, D, C, N, H, K, X, T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi Hnh án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo S, D, C, N, H, K, X, T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi Hnh án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho H án treo. Trường hợp thực hiện Hnh vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp Hnh hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

[2] Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và điểm a, b, c khoản 2; khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

\* Tịch T tiêu hủy:

- 52 Q bài tú lơ khơ một mặt màu đỏ;

- 02 chiếc chiếu cói màu vàng, đồ kích thước (1,8x2) mét;

- 01 đầu T came ra nhãn hiệu @Jhua SN4A0902PAPEC536.

\* Tịch T sung vào ngân sách NH nước: Số tiền 31.100.000 đồng từ tài khoản tạm gửi của Công an huyện Việt Yên số: 3949.0.9048635.00000 tại Kho bạc NH nước huyện Việt Yên đến tài khoản của Chi cục Thi Hình án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tại Kho bạc NH nước huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

\* Trả lại:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Bá V: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số Imei 860202042225475. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại cho bị cáo Vũ Văn H: 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, nhãn hiệu Oriental BKS 98H3-1768. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại cho bị cáo Đào DA T: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xA, BKS 99S1-6541; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 356819634700499, seri 2: 356819636700497. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại bị cáo Vũ Đức N: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, BKS 98M4-2070; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, số Imei: 3510880464075373. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Hữu S: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max dung lượng 64GB, số Imei 357279097575301. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại cho bị cáo Trần Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax 64GB, số Imei 353901103804122. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại cho bị cáo Lê A Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung note 20, số Imei 350247875752118/01. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại bị cáo Đỗ Viết T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO AS2 số Imei 860777053894475. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại bị cáo Ngô Văn C: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, số Imei 359243063067519. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

- Trả lại bị cáo Giáp Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO số Imei 868038050074831. Nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi Hình án.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Bá V, Nguyễn Hữu S, Lê A Q, Giáp Văn D, Ngô Văn C, Trần Văn N, Đỗ Viết T, Ngô Đức T, Vũ Đức N, Vũ Văn H, Phạm Văn K, Phạm Quang X, Đào DA T, Lê Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả Tận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự N thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Công an huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã Hương Mai; xã Đông Lễ;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vân**

















